TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;

Ông Lê Văn Được.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh****:* Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc*" Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020; Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân số 01/TB-TA, ngày 08 tháng 12 năm 2020; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2020/QĐ-TA, ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1993. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2016 chị và anh Huỳnh Minh Đ qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng hơn 01 năm rồi tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang sau ngày cưới đã bán hết không còn. Sau

khi cưới chị và anh Đ cùng đến UBND xã T, huyện C để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường xuyên đi nhậu, chị đã khuyên anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vào tháng 8 năm 2019 chị có làm đơn xin ly hôn với anh Đ nhưng do con còn nhỏ và vì con nên chị làm đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Sau đó giữa chị và anh Đ vẫn liên lạc. Chị và anh Đ đã ly thân khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Khi chị và anh Đ xảy ra cự cải thì cha mẹ hai bên gia đình có hay biết và khuyên can nhưng vẫn không tiến triển từ đó cha mẹ hai bên để cho anh chị tự quyết định. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ.

- Về nuôi con tên: Huỳnh Quốc T, sinh ngày 03/6/2017 hiện tại chị đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Huỳnh Minh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ, về con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 03/6/2017, hiện tại chị T đang nuôi dưỡng và đảm bảo cho cháu T được phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội

đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Huỳnh Minh Đ là bị đơn trong vụ án, vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Huỳnh Minh Đ, địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] *Về hôn nhân*: Vào năm 2016 chị T và anh Đ xác lập hôn nhân, sau khi cưới chị T và anh Đ cùng đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T để đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T là do anh Đ không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường xuyên đi nhậu, chị đã khuyên anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị và anh Đ đã ly thân khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng anh Đ được hàn gắn, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng vẫn không có kết quả, khi mâu thuẫn xảy ra thì chị T và anh Đ đều bỏ mặt, không quan tâm nhau. Vào tháng 8 năm 2019 chị có làm đơn xin ly hôn với anh Đ nhưng do con còn nhỏ và vì con nên chị làm đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng sau đó giữa chị và anh Đ vẫn liên lạc. Chị T và anh Đ đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh Đ, chị cương quyết xin ly hôn với anh Đ. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị T

và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, về hôn nhân xử cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh Đ có một con chung tên Huỳnh Quốc T sinh ngày 03/6/2017. Xét thấy thời gian vợ chồng chị T sống ly thân, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng Huỳnh Quốc T, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả*: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 03/6/2017 khi ly hôn.

Anh Huỳnh Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trỡ người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh Đ không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 0002594, ngày 05 tháng 10 năm 2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Huỳnh Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà